

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/DS-ST
Ngày: 21/02/2025.
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Nhã Uyên**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Mướt**.
2. Ông **Lê Thanh Tâm**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phan Thị Bích Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 700/2024/TLST-DS, ngày 07/11/2024 về việc “*Tranh chấp về dân sự – Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S**.

Địa chỉ trụ sở: Số B N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S là: **Công ty TNHH MTV Q và Khai thác tài sản Ngân Hàng S (Công Ty S1)**; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Ngọc T** – Chức vụ: Tổng Giám Đốc (Theo Văn bản ủy quyền ngày 12/10/2022).

Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Q và Khai thác tài sản Ngân Hàng S (Công Ty S1) là: Ông **Nguyễn Vũ Khánh C**, sinh năm 1983 – Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc; Địa chỉ: Số G T, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 13/9/2023) và Ông **Trần Gia T1**,

sinh năm 1971; Số B N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản uỷ quyền ngày 03/01/2024).

- Bị đơn: Anh **Lê Trung H**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ B, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Đại diện Ngân hàng, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày tại Đơn khởi kiện ngày 11/01/2024, Bản tự khai ngày 21/02/2025:**

Ngày 06/06/2018, anh Lê Trung H có ký với Ngân hàng TMCP S (*gọi tắt là Ngân hàng*) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng 15.000.000đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng 2,77%/tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.290.000đồng và anh H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền **24.681.767đồng** (tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ) và còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 21/02/2025 là **38.012.361đồng** (*Ba mươi tám triệu, không trăm mười hai nghìn, ba trăm sáu mươi một đồng*), trong đó nợ gốc 17.755.110đồng, nợ lãi 20.257.251đồng.

Trong quá trình vay tiền, anh Lê Thanh H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngày 23/11/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở yêu cầu anh H1 có trách nhiệm thanh toán khoản nợ nhưng anh H1 vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP S yêu cầu anh Lê Trung H trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 21/02/2025 là **38.012.361đồng** (*Ba mươi tám triệu, không trăm mười hai nghìn, ba trăm sáu mươi một đồng*) và tiền lãi, phí phát sinh sau ngày 21/02/2025 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/6/2018 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín

dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP S.

*** Bị đơn anh Lê Trung H trình bày tại Biên bản hoà giải ngày 16/01/2025:** Anh Lê Trung H thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng như Ngân hàng trình bày. Nay anh Lê Trung H đồng ý với số nợ vay và anh H đồng ý tiền cho Ngân hàng. Tuy nhiên, anh H trình bày là anh H và đại diện Ngân hàng có trao đổi về phương án trả nợ là đề nghị được trả dần nhưng không được phía Ngân hàng chấp nhận.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/6/2018 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (bản sao);

+ Quyết định ban hành biểu phí ngày 11/01/2018, ngày 28/10/2022 (bản sao);

+ Thông báo khởi kiện ngày 09/10/2023, ngày 08/5/2024, ngày 03/6/2024 (bản chính);

+ Tóm tắt sao kê ngày 17/12/2023 (bản chính);

+ Bảng tường trình ngày 11/01/2024 (bản chính);

+ Bản tự khai ngày 08/5/2024; Tóm tắt sao kê ngày 08/5/2024 (bản chính);

+ Bản tự khai ngày 03/6/2024; Tóm tắt sao kê ngày 03/6/2024 (bản chính);

+ Bản tự khai ngày 06/12/2024; Tóm tắt sao kê ngày 06/12/2024 (bản chính);

+ Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 21/11/2024 (bản chính);

+ Đơn yêu cầu không tiến hành hoà giải đề ngày 21/11/2024 (bản chính);

+ Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 11/02/2025; Bản tự khai ngày 21/02/2025; Tóm tắt sao kê ngày 21/02/2025 (bản chính).

+ Hồ sơ pháp lý của bên vay: CMND, Sổ hộ khẩu Lê Trung H (bản photo);

+ Hồ sơ pháp lý của Ngân hàng TMCP S: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Điều lệ Công ty; Quyết định ngày

04/5/2020; Quyết định tái bổ nhiệm ngày 29/8/2023, ngày 05/4/2021; CCCD Nguyễn Vũ Khánh C, Lê Ngọc T (bản sao);

+ Văn bản uỷ quyền ngày 12/10/2022, ngày 13/9/2023, ngày 03/01/2024 (bản chính); CCCD Trần Gia T1 (bản photo);

- *Bị đơn cung cấp*: Đơn xin xét xử vắng mặt tại Toà án đề ngày 04/02/2024 (bản chính); CCCD Lê Trung H (bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền xét thấy:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật dân sự là “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn anh Lê Trung H có nơi cư trú tại thị trấn M, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024. Đối với nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và bị đơn anh Lê Trung H có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào chứng cứ là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/6/2018 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đã xác định anh Lê Trung H có vay ở Ngân hàng TMCP S theo hạn mức tín dụng 15.000.000đồng, lãi suất vay 2,77%/tháng, tính đến ngày 21/02/2025 số nợ gốc phải trả là 17.755.110đồng, nợ lãi 20.257.251đồng. Sau khi vay tiền, anh H không trả vốn, lãi theo định kỳ thể hiện vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay được quy định tại Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 466 Bộ luật dân sự. Đồng thời, tại Biên bản hoà giải ngày 16/01/2025, anh Lê Trung H thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng như Ngân hàng trình bày, anh H đồng ý với số nợ vay và anh H đồng ý tiền cho Ngân hàng. Vì lẽ đó, Ngân hàng TMCP S yêu cầu anh Lê Trung H có nghĩa vụ trả tiền vay vốn và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 21/02/2025 là 38.012.361đồng và lãi phát sinh sau ngày 21/02/2025 là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: Anh Lê Trung H phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã nộp trước được hoàn lại toàn bộ. Và số tiền án phí ông T2 phải nộp được tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng: $38.012.361 \text{đồng} \times 5\% = 1.901.000 \text{đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 189, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S.
- Buộc anh Lê Trung H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S tiền vay vốn và lãi tính đến ngày 21/02/2025 là **38.012.361đồng** (*Ba mươi tám triệu, không trăm mười hai nghìn, ba trăm sáu mươi một đồng*).
- Anh Lê Trung H có nghĩa vụ trả tiếp tiền lãi sau ngày 21/02/2025 theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/6/2018 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thi hành xong.

- Về án phí:

- + Anh Lê Trung H phải nộp 1.901.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- + Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 691.254đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009574 ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.
- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Nhã Uyên